

PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CUỘC KHẢO SÁT VỀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI

ĐỀ TÀI KX-04-02

A. TIẾN ĐỘ

Với giả thuyết nghiên cứu như vậy*, chúng tôi xác định công trình nghiên cứu được tiến hành hai bước :

a. *Bước 1*, thu thập số liệu do các cuộc khảo sát xã hội học trong nhiều năm của Viện Xã hội học ở nhiều đề tài khác nhau rồi xử lý lại theo yêu cầu của chủ đề nghiên cứu mới. Có thể làm được việc này vì trong gần 10 năm qua, các nghiên cứu của Viện Xã hội học có nhiều, song đều tập trung vào 2 hướng chính: cơ cấu xã hội và định hướng giá trị của xã hội Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới. Các đề tài đã nghiên cứu tuy có những đối tượng xác định riêng nhưng đều xoay quanh những vấn đề về cơ cấu xã hội và định hướng giá trị, hai chủ đề trung tâm trong nghiên cứu của Viện Xã hội học.

Địa bàn nghiên cứu của những đề tài nói trên được mở rộng từ Bắc chí Nam, từ vùng Duyên hải miền Trung đến Tây Nguyên, từ đồng bằng sông Hồng đến đồng bằng sông Cửu Long, từ nhiều thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Dương, Nha Trang, v.v... Những số liệu và kết luận từ các cuộc nghiên cứu nói trên được xử lý và xem xét như là những dữ kiện bước đầu để xác lập giả thuyết nghiên cứu đã được phác thảo sơ bộ khi định hình đề cương nghiên cứu.

Bên cạnh việc sử dụng những kết quả nghiên cứu của Viện Xã hội học, chúng tôi sử dụng những tư liệu quý báu đã được công bố của Tổng cục Thống kê, của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, của UNDP, của World Bank và những kết quả nghiên cứu của các cơ quan bạn như Trung tâm Dân số và Nguồn lao động, Viện Khoa học lao động của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Viện quy hoạch nông thôn và đô thị. Ban chính sách và quản lý của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, v.v...

Toàn bộ những thông tin được xử lý trong nước này được xem như là một tư liệu đối sánh cho những kết quả khảo sát qua cuộc điều tra chọn mẫu ở bước 2.

* Xem "*Khảo sát xã hội học và phân tầng xã hội - cơ sở lý luận và phương pháp luận*" từ trang 9 đến trang 29 trong Tạp chí này.

b. *Bước 2* : Tiến hành khảo sát theo phương pháp chọn mẫu thu thập thông tin qua bảng hộ, qua phỏng vấn nhóm tập trung và qua nghiên cứu sâu những đối tượng được lựa chọn.

Địa bàn chọn mẫu khảo sát được lấy theo dọc Quốc lộ V và Quốc lộ I từ Bắc đến Nam với giả định rằng đây là những vùng mà kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường đã có điều kiện phát triển. Những khu vực ấy có thể đã là hoặc sẽ là khu vực động lực cho toàn bộ quá trình phát triển của kinh tế thị trường.

Đương nhiên đô thị và nông thôn có trình độ phát triển không giống nhau, do vậy ở hai khu vực sẽ được chọn mẫu theo những cách khác nhau để đảm bảo có được tính đại diện cao của mẫu được chọn.

Năm điểm đô thị được chọn theo trục đường V và Quốc lộ I là Hải Dương, Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ theo trình tự vị trí địa lý từ Bắc vào Nam, cùng đồng thời bao quát được những thành phố đã có cơ sở kinh tế thị trường phát triển từ lâu sau một thời gian chững lại, nay đang trên đà phát triển mạnh hơn, lại có thành phố tiêu biểu cho cơ chế cũ nay đang chuyển mạnh sang cơ chế mới, có thành phố ngập ngừng và bờ ngõ đối với kinh tế thị trường.

Tại mỗi thành phố, lấy từ trung tâm ra ngoại vi theo trục đường chính, chọn 3 trường phổ thông cơ sở ở trung tâm, ở quãng giữa và ở ngoại vi. Ở mỗi trường chọn bất kỳ một lớp 9, ở đây theo danh sách địa chỉ học sinh mà tìm đến hộ gia đình học sinh [ở bất cứ địa bàn nào của thành phố] để phỏng vấn chủ hộ và các thành viên trong hộ bằng Bảng hỏi hộ gia đình và Bảng hỏi cá nhân. Số lượng mẫu là 50 hộ cho mỗi trường.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, do độ lớn và đa dạng của các tầng lớp cư dân, cũng chọn 3 điểm theo tiêu chuẩn trên, nhưng trên cả 3 hướng cơ bản từ trung tâm tỏa ra, tổng cộng 9 trường.

Tổng số mẫu tại khu vực đô thị là 1050 hộ gia đình và 2100 cá nhân, trong đó 1050 nam và 1050 nữ.

Tại khu vực nông thôn do tính chất kém phát triển so với đô thị, và cũng là do độ đồng đều cao hơn nên việc chọn mẫu được triển khai theo cách khác.

Tại mỗi tỉnh, chọn 2 xã nằm cạnh đường Quốc lộ V và Quốc lộ I, có trình độ phát triển trung bình. Các xã nằm cạnh quốc lộ nhưng có khoảng cách đều nhau tính từ trung tâm ra ngoại vi. Tại mỗi xã chọn ngẫu nhiên theo số hộ khẩu 100 hộ gia đình có con đang đi học, ít nhất là cuối cấp I. Ở mỗi hộ gia đình sẽ có một Bảng hỏi chủ hộ và hai Bảng hỏi cá nhân chồng và vợ là bố mẹ của học sinh đó.

Bằng cách này, trên thực tế đã gia trọng lại số mẫu ở nông thôn để có thể có khả năng đối sánh với khu vực đô thị, nơi chọn theo số con đi học lớp cuối của phổ thông cơ sở. Tổng cộng số mẫu tại nông thôn là 600 hộ và 1200 cá nhân.

Số mẫu ở nông thôn ít hơn vì 2 lẽ :

+ Một là do đồng đều tương đối cao ở khu vực đồng bằng.

+ Hai là đã có nhiều tư liệu về thực trạng xã hội nông thôn qua nhiều cuộc nghiên cứu khác của Viện Xã hội học.

Như vậy, bằng cách chọn mẫu ngẫu nhiên ở cả đô thị và nông thôn, nhưng sẽ đạt được yêu cầu là số mẫu được chọn sẽ rơi vào những nhóm xã hội đại diện có tính chất phổ biến và đều ở lứa tuổi quăng từ trên dưới 30 tuổi đến trên dưới 40 tuổi [vì đã có con học đến lớp 9 ở đô thị và lớp 6 ở nông thôn]. Lớp người này đóng vai trò chủ chốt trong quá trình phát triển của đất nước trong khoảng 10 năm sắp tới.

Theo cách này, về mặt địa lý, có thể hình dung những điểm chọn mẫu sẽ nằm rải rác trên dọc đường số V và Quốc lộ I tính từ Hải Phòng đến Cần Thơ như sau: điểm thứ nhất cách thành phố Hải Phòng 50 km, điểm thứ hai cách thành phố Hải Phòng 60 km, điểm thứ ba là ở thị xã Hải Dương, điểm thứ tư là Thủ đô Hà Nội, điểm thứ năm là Đà Nẵng, điểm thứ sáu cách Đà Nẵng 30 km, điểm thứ bảy cách Đà Nẵng 100 km, điểm thứ tám là Thành phố Hồ Chí Minh, điểm thứ chín là Thành phố Cần Thơ, điểm thứ mười cách Cần Thơ 20 km và điểm cuối cùng, điểm thứ mười một cách Cần Thơ 45 km.

Trình tự được khảo sát bắt đầu từ tháng 10 năm 1992 tại Hà Nội, tháng 4 năm 1993 tại Quảng Nam - Đà Nẵng, tháng 4 năm 1994 tại Cần Thơ, tháng 9 năm 1994 tại Hải Hưng và tháng 11 năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời điểm lựa chọn khảo sát là thời điểm mà đất nước đã vượt qua được những thử thách ngặt nghèo, bắt đầu mạnh dạn chuyển mạnh sang cơ chế thị trường và trụ vững được trong cơ chế ấy. Trong thời điểm khảo sát giá vàng và US đô la tương đối ổn định, giá cả các mặt hàng trang thiết yếu không tăng và chỉ số lạm phát tương đối thấp. Tốc độ tăng trưởng trung bình của Việt Nam trong hai năm đó là khoảng 8% năm, riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì vào khoảng từ 12% đến 15% năm.

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Cuộc khảo sát được tiến hành theo cách thu thập thông tin qua bảng hỏi được các điều tra viên trực tiếp hỏi và ghi chép, qua phỏng vấn nhóm tập trung ở một số khía cạnh then chốt và qua điều tra sâu về một số lĩnh vực mà bảng hỏi và phỏng vấn không thu được kết quả.

Giả thuyết nghiên cứu được xây dựng trên 2 biến số phụ thuộc và 6 biến số độc lập các biến số ấy được mã hóa để đưa vào xử lý bằng máy vi tính nhằm trả lời các chủ đề nghiên cứu.

** Hai biến số phụ thuộc :*

1. Sự tích tụ vật chất của các tầng lớp khác nhau

Biến số phụ thuộc này được đo bằng bình quân thu nhập tính theo đầu người trong một tháng với 5 nhóm có thu nhập khác nhau.

Có hai phương án được đưa vào phân tích.

Theo phương án 1, các tầng lớp được chia theo "đường nghèo khổ" [poverty line] tại các khu vực đô thị là :

- + từ 75.000 đ trở xuống 1 đầu người / tháng.
- + từ trên 75.000 đ đến 150.000 đ / đầu người / tháng.
- + từ trên 150.000 đ đến 300.000 đ / đầu người / tháng.
- + từ trên 300.000 đ đến 600.000 đ / đầu người / tháng.
- + từ trên 600.000 đ trở lên / đầu người / tháng.

Ở nhóm thứ nhất, từ 75.000 đ trở xuống là chỉ số được tính theo nhiều góc độ khác nhau mà dưới đó là tình trạng nghèo khổ tuyệt đối của đô thị và nhóm có thu nhập trung bình đầu người từ 600.000 đ trở lên là nhóm giàu.

Hai mục quy định tương đối này đều được tham khảo từ các số liệu do Tổng cục Thống kê công bố. Phương án này chủ yếu chỉ để nhận dạng sự phân tầng theo giàu nghèo.

Theo phương án 2, chia số mẫu những người được hỏi thành 5 lớp từ dưới lên trên: 20% nghèo nhất, 20% kế tiếp và liên tiếp như vậy, 20% trung bình, 20% cao và 20% cao nhất.

Về thu nhập của hộ gia đình cũng được tính trên 5 chỉ tiêu khác nhau :

- lương và phụ cấp của nghề chính
- thu nhập do làm thêm mà việc làm thêm có liên quan đến nghề chính
- các loại lãi suất có thể có
- sự giúp đỡ của người thân
- những khoản mục thu nhập khác.

Các chỉ tiêu thu nhập được kiểm định lại qua Bảng hỏi cá nhân về thu nhập của từng người trong gia đình, chủ yếu là của chồng và vợ.

Mặc dù có sự chênh lệch tương đối về thời gian và sức mua ở các khu vực khác nhau, các chỉ báo trên được triển khai thống nhất cho tất cả các địa điểm được nghiên cứu. Khi xử lý số liệu, quy ước giả định là tốc độ phát triển của các khu vực được nghiên cứu vào khoảng từ 8% đến 10% mỗi năm.

Trong công trình nghiên cứu này các số liệu được trình bày chủ yếu theo cách phân tích theo 5 dải phân cách đều nhằm đạt tới một kết quả xử lý đạt độ chính xác cao ở tính đại diện của chúng. Những chỗ đề cập đến phân tầng theo giàu nghèo mới tính theo phương án thứ nhất, theo bình quân thu nhập đầu người xếp theo 5 nhóm từ 75.000 đ đến trên 600.000đ.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở thông tin đơn thuần về thu nhập thì không phản ánh được yêu cầu khảo sát về phân tầng xã hội mà chúng tôi mong muốn. Vì vậy các chỉ báo khác giúp vào việc làm nổi rõ sở hữu, về mức sống và lối sống là hết sức cần thiết. Các chỉ báo đó được tìm xoay quanh các vấn đề: nhà ở, tài sản và trang.thiết bị trong nhà, các công trình phụ, phương tiện đi lại, nghe nhìn, các chỉ tiêu mua sắm thường nhật và chi tiêu dành cho ăn uống, các khoản vay nợ [nếu có] trong quá khứ và dự định vay trong thời gian tới [nếu có].

Các chỉ báo nói trên nhằm cố gắng tập hợp những thông tin để có thể làm sáng tỏ *khả năng kinh tế và tiềm năng* của các hộ gia đình.

Ở đây, chúng tôi cần nói rõ thêm về cách đo mức sống theo thu nhập :

Cần phải nói thêm đôi lời về cách xác định các chuẩn nghèo, trung bình và giàu trong 5 mức : rất thấp [rất nghèo] với bình quân đầu người là 75.000 đồng/tháng cho đến mức rất cao [rất giàu] với mức bình quân đầu người trên 600.000 đồng/tháng.

Sẽ có nhiều câu hỏi đặt ra, chẳng hạn như : "Tại sao lại lấy cao hơn mức của Tổng cục Thống kê" ? hoặc "Trên 600.000 đồng/người/tháng sao gọi là giàu được, thậm chí phải 6 triệu hoặc 60 triệu [tức là 600 USD hoặc 6000 USD] mới gọi được là giàu và trong thực tế có những hộ có khả năng thu nhập như vậy ở cả Hà Nội lẫn thành phố Hồ Chí Minh".

Hoặc có câu hỏi: từng địa phương sẽ có cách quan niệm khác nhau về chuẩn nghèo và giàu. Ví như, với 100.000 đồng thu nhập bình quân đầu người một tháng, ở nông thôn Hải Hưng đã có thể thuộc loại hộ có mức sống khá, nhưng ở đô thị Hải Dương thì lại chỉ dừng lại ở mức sống dưới trung bình. Còn nếu với 100.000 đồng bình quân đầu người một tháng thì không thể sống nổi ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc phải được xem như là nghèo tuyệt đối !

Đúng là có tình hình đó. Và như có ai đó đã nói rất hay rằng, người nghèo thì ở đâu cũng giống nhau, nhưng người giàu thì lại hết sức khác nhau. Mà cũng là do nhận thức như vậy cho nên chúng tôi không câu nệ ở sự khác biệt có tính đột xuất mà là xác lập chuẩn ở mức phổ biến với một sai số khác biệt có thể chấp nhận được vì nó không làm sai lệch các tỷ lệ tương *quan* giữa các tầng lớp xã hội có *bình quân thu nhập* khác nhau.

Không dựa hoàn toàn vào chuẩn của Tổng cục Thống kê [70.000 đồng cho đô thị và 50.000 đồng cho nông thôn với người rất nghèo] đã công bố không phải là không thừa nhận điều đó, mà chính là ngược lại. Trên cơ sở tham khảo chuẩn của Tổng cục Thống kê, dựa vào các nguồn số liệu của các khảo sát do Viện Xã hội học tiến hành trong nhiều năm qua, đặc biệt là từ 1992 đến 1994, sau khi thử nghiệm trong điều tra thử, chúng tôi lấy chuẩn 75.000 đồng/người/tháng cho mức rất nghèo và 600.000 đồng/người/tháng cho mức rất giàu chung cho cả đô thị và nông thôn. Việc lựa chọn đó là có những ý nghĩa sau đây:

- Chúng tôi không khảo sát về giàu nghèo [điều này Tổng cục Thống kê đã làm khá tốt] mà chúng tôi chỉ dựa vào một chỉ báo về *thu nhập* để *cùng với những chỉ báo khác* mà tìm ra diện mạo về sự phân tầng xã hội. Vì thế, phải chọn một tỉ lệ tương đối phổ biến mang tính đại diện cao trong tiêu chí khảo sát, để khi xử lý, cho thấy được *các mối tương quan gia các nhóm xã hội khác nhau*. Các mối tương quan đó giúp làm nổi rõ *diện mạo của sự phân tầng* trong nét phổ quát nhất.

- Chúng tôi không xác định chuẩn riêng cho đô thị và nông thôn mặc dầu trong quá trình khảo sát, chúng tôi luôn luôn chú trọng đến điều này để sự tính toán gần sát với thực tế hơn, giả dụ như phải gia trọng thêm các số liệu cơ bản để tính tương quan nông thôn - đô thị. Không xác định chuẩn riêng cho đô thị và nông

thôn bởi vì chúng tôi đi theo một định hướng lý thuyết: nếu không làm cho nông thôn tiến gần đến đô thị về thu nhập, mức sống, lối sống, v.v... sẽ không có sự phát triển bền vững, nhất là với một nước mà 80% dân số là ở nông thôn. Khái niệm “*tiến dân đến*” không có nội dung ảo tưởng làm cho nông thôn giống như đô thị về mức sống và lối sống, mà là *thu dần khoảng cách nông thôn - đô thị* về các chỉ báo trên để làm cho người ta không chỉ có xu hướng xa lánh nông thôn để dồn về đô thị, để cho những bộ phận ưu tú ở nông thôn [nếu có] sẽ trở lại ở nông thôn mà không cảm thấy bị quá thua thiệt về đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần. Không tạo ra những tiền đề đó, không thể có sự phát triển ở nông thôn, và do vậy, không đảm bảo tính bền vững của sự phát triển nói chung.

Vì thế lấy một cái chuẩn chung cho cả nước, sẽ làm nổi rõ lên sự khác biệt nông thôn - đô thị và khác biệt giữa các vùng lãnh thổ, giúp làm nổi rõ hơn về diện mạo của sự phân tầng để từ đó mà đưa đến những kiến nghị ở tầm vĩ mô của việc hoạch định chiến lược và hình thành các chính sách xã hội như mục tiêu của đề tài.

Vả chăng, “về cơ bản sự nghèo khổ được xác định *trong mối tương quan xã hội*: .. Sự nghèo đó không phải hoàn toàn là mức sống tuyệt đối. Cơ sở thực của nó là tâm lý. Người nghèo là những người cảm thấy bị tước đoạt những cái mà người khác trong xã hội được hưởng thụ, những cái mà họ cho rằng chính họ cũng có phần”¹.

Chính trên tinh thần ấy mà những khảo sát xã hội học của chúng tôi hướng vào việc thu thập những chỉ báo về nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của các nhóm xã hội khác nhau để mong tìm thấy những khác biệt không chỉ về mức sống mà còn về lối sống, không chỉ nhận diện về sự thu nhập mà cố tìm hiểu về sự tái tạo văn hóa. Đương nhiên, chuẩn về thu nhập vẫn là điểm tựa cho việc tìm hiểu và phân tích các thông tin khác.

2. Sự đầu tư và tiêu dùng văn hóa của các tầng lớp khác nhau.

Biến số này giúp vào việc làm sáng tỏ khả năng tái tạo văn hóa đi liền với tích tụ vật chất và phát triển kinh tế của các nhóm xã hội dân cư, phản ánh một đặc trưng cơ bản của sự ổn định và bền vững của một tầng lớp xã hội trong sự phân tầng.

Những chỉ báo giúp vào việc làm sáng tỏ điều này gồm có: việc đầu tư cho sự học hành của con [kể cả việc tìm trường tốt, lớp tốt cho đến việc học thêm], trong đó có cả đầu tư thời gian để chăm sóc việc học của con, mua thêm các loại sách, các loại báo cho gia đình, các phương tiện nghe nhìn được khuyến khích hoặc không được khuyến khích [các loại nhạc, các loại phim, các loại tranh].

Quan trọng hơn tất cả là các chỉ báo được thu nhận qua các trắc nghiệm nhằm tìm hiểu *mô hình văn hoá tiềm ẩn* của các đối tượng được khảo sát đời sống

1. “*Kinh tế học của sự phát triển*” Viện quản lý Kinh tế Trung ương [dịch và xuất bản]. Hà Nội - 1990, trang 153.

tâm linh : tín ngưỡng tôn giáo, thờ cúng tổ tiên, thái độ đối với hệ thống thân tộc, quan hệ với hàng xóm láng giềng ... qua những câu hỏi hết sức tế nhị: thái độ đối với các quan niệm cổ truyền như "nông vi bản", "tôn sư trọng đạo"].

* *Sáu biến số độc lập :*

1. *Truyền thống gia đình : nguồn gốc xuất thân của chồng và vợ.*

Trong một xã hội chịu sự chi phối rất lớn của ảnh hưởng truyền thống, thành phần xuất thân thường được xem xét như là một yếu tố có tầm quan trọng đến sự phát triển của từng cá nhân là thành viên của một gia đình. Ở đây, chúng tôi đặc biệt chú ý đến trình độ học vấn của các bậc bố mẹ của chủ hộ, có bổ sung thêm về vị trí và hoàn cảnh kinh tế và môi trường sống của họ.

2. *Các trình độ học vấn và tay nghề có được qua từng giai đoạn :* Học vấn và sự đào tạo có tác động lớn đến sự thăng tiến xã hội của mỗi cá nhân. Số năm đi học, các loại hình đào tạo, khả năng tìm việc làm sau khi được đào tạo là một loạt các yếu tố được hình thành qua các chỉ báo. Việc đào tạo lại, khả năng thích nghi kiến thức và kinh nghiệm bản thân với điều kiện mới của sự chuyển đổi cơ chế cũng được chú trọng xem xét.

3. *Nghề nghiệp và sự thăng tiến trong nghề có liên quan tới quyền lực có thể có*

Với tay nghề được đào tạo, một yếu tố không kém phần quan trọng là nơi họ làm việc. Các chỉ báo thu nhận được đều cố gắng làm nổi bật về nghề nghiệp lựa chọn có liên quan đến mức độ nào đối với các loại quyền lực có thể có do nghề nghiệp và vị trí trong nghề của họ : quyền lực về kinh tế, quyền lực quản lý, quyền lực chính trị, v.v... Những loại hình nghề nghiệp được xác lập để thu thập thông tin đều tập trung vào các chỉ báo được lựa chọn để phân loại nói trên, ví như : loại hình nghề nghiệp công an, tòa án, ngoại thương, hải quan, những ngành dịch vụ, những ngành sản xuất, v.v... trong đó chú ý cả đến những chức vụ quản lý : Tổng giám đốc và Vụ trưởng trở lên, v.v...

4. *Tính tích cực chính trị.*

Tính tích cực chính trị được xem xét với giả định là những yếu tố tác động tuy không là trực tiếp nhưng không kém phần quan trọng đến sự thành đạt của mỗi cá nhân. Các chỉ báo xoay quanh việc thu nhập thông tin về việc gia nhập Đảng Cộng sản, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức nghề nghiệp.

5. *Môi trường và vị trí của chỗ ở hiện nay.*

Sự chuyên đổi cơ chế, với kinh tế thị trường, vị trí và môi trường sống có những chuyển đổi giá trị đôi lúc rất đột xuất đối với từng gia đình : nhà mặt phố [phố chính, phố nhỏ], nơi ở của các khu nhà tập thể : tầng trệt và tầng lầu. Các chỉ báo còn hướng đến môi trường sống : hàng xóm láng giềng thuộc những tầng lớp

xã hội nào, nghề nghiệp gì, có thuận lợi cho việc phát triển các quan hệ xã hội hay không.

6. Tuổi của người được hỏi.

Tuổi tác có một ý nghĩa trực tiếp đến nghề nghiệp, thu nhập và sự thăng tiến xã hội vì thông thường, tuổi gắn liền với trình độ tay nghề, kinh nghiệm nghề nghiệp và tích lũy tri thức cũng như khả năng tiếp nhận thông tin và thành tựu khoa học kỹ thuật mới. Mặt khác, tuổi tác cũng có thể là những cản trở đối với việc tiếp nhận những thay đổi trong tư duy và trong hành động.

Như vậy là, với hai biến số phụ thuộc và 5 biến số độc lập được xây dựng để hướng sự thu thập thông tin qua các chi báo nhằm làm sáng tỏ cho việc chứng minh hoặc bác bỏ giả thuyết nghiên cứu được xác lập khi hình thành đề cương nghiên cứu.

Quá trình xử lý và chỉ đạo điều chỉnh việc xử lý số liệu qua máy vi tính đều nhằm làm sáng tỏ những ý tưởng nghiên cứu được xác lập từ đầu và hoàn chỉnh dần trong quá trình nghiên cứu.

Từ các kết quả được xử lý qua máy vi tính lần lượt các điểm nghiên cứu, trước khi hình thành báo cáo tổng kết chung đã có những nghiên cứu bổ sung để làm sáng tỏ những điều mà số liệu xử lý chưa có sức thuyết phục nhằm chứng minh cho những kết luận được đưa ra.

Những nghiên cứu bổ sung đó được tiến hành dưới hai dạng.

- Thứ nhất là tham khảo và xử lý lại các kết quả và số liệu đã từng được khảo sát ở các điểm khác trong toàn quốc mà Viện Xã hội học đã tiến hành trước đây cùng thời gian với cuộc nghiên cứu KX - 04-02 ở những đề tài khác ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Vĩnh Phú, Thái Bình, Nam Hà, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Khánh Hòa, Tiền Giang, Tây Nguyên, Tây Bắc.

Thứ hai là những khảo sát lại tại các điểm đã chọn mẫu nghiên cứu dưới hình thức phỏng vấn nhóm tập trung, các phỏng vấn sâu bao gồm các phỏng vấn chuyên gia và đối sánh với các thành tựu nghiên cứu đã được công bố của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Đặc biệt là các tư liệu của World Bank, của UNDP, vv..

Tất cả những thu thập số liệu và xử lý thông tin nói trên đã hình thành những ý tưởng được rút từ sự phân tích và tổng hợp các kết quả thu nhận được. Bổ sung vào việc xử lý, chúng tôi tiến hành những phép thử để tìm ra hiệu số Gini và thử lại bằng hàm Chi-square Pearsons để làm rõ hơn những ý tưởng đó, giúp cho việc tổng kết có được sức thuyết phục hơn.

Đây là một cố gắng lượng hóa tối đa các yếu tố và điều kiện tác động lên quá trình phân tầng xã hội, cùng với việc xử lý mối tương quan giữa các biến số nói trên phải là việc bổ sung những chất lượng thông tin qua các điều tra sâu.